

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:16/2022/HS-ST  
Ngày 06-4-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

**- Thư ký phiên tòa:**Bà Trần Thị Hương Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Như Ngọc -Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 1 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:12/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. NVT, sinh ngày 01-6-1964, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: số A, B, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông D (đã chết) và bà E (đã chết); gia đình có năm anh chị em, bị cáo là con thứ tư; có vợ là F và hai con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18-4-2021, được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-4-2021; có mặt.

2. BTN, sinh ngày 13-02-1984, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn G, xã Đoàn H, huyện I, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông J và bà K; gia đình có bốn chị em, bị cáo là con thứ ba; có chồng là L và hai con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-4-2021; có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh NLQ1; nơi cư trú: Đội 12, thôn M, xã N, huyện O, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Anh NLQ2; nơi cư trú: Xóm 1, thôn P, xã Q, huyện R, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Anh NLQ3; nơi cư trú: Tổ 2, phường S, quận T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Chị NLQ4; nơi cư trú: Thôn U, xã V, huyện B, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2017 đến tháng 9 năm 2020, NVT đã thuê dịch vụ thành lập và mua lại giấy tờ, bộ con dấu, cùng các chứng từ liên quan của 03 Công ty để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng (viết tắt là GTGT). NVT mua lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bộ con dấu, hóa đơn GTGT của Công ty trách nhiệm hữu hạn W (viết tắt là Công ty W) và Công ty trách nhiệm hữu hạn X (viết tắt là Công ty X) hết 20.000.000 đồng/01 Công ty. NVT tự đứng tên thành lập Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Y (viết tắt là Công ty Y) sau đó làm thủ tục thay đổi sang tên Giám đốc thành NLQ3 hết 25.000.000 đồng thông qua một người phụ nữ tên Z (không rõ nhân thân, lai lịch).

NVT trực tiếp viết hóa đơn của Công ty W và X. Từ tháng 7-2019, NVT thuê BTN trực tiếp viết hóa đơn và tổng hợp số liệu, thống kê theo tháng, quý của Công ty Y. NVT thuê NLQ4 thực hiện công việc kê khai thuế tại 03 Công ty trên. NVT không cho NLQ4 biết về hoạt động mua bán trái phép hóa đơn của NVT, chỉ thuê NLQ4 kê khai thuế hàng quý, trả lương 3.000.000 đồng/quý. NVT trả lương cho BTN 1.000.000 đồng/tháng. Theo đó, BTN viết hóa đơn, kí tên người bán hàng, tổng hợp số liệu của Công ty Y rồi đọc cho NLQ4 theo sự chỉ đạo của NVT. BTN đã giúp sức cho NVT trong việc thực hiện hành vi mua bán trái phép 514 số hóa đơn GTGT (liên 2), ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế trên hóa đơn là 326.031.440.989 đồng tại Công ty Y và thu lời bất chính 15.000.000 đồng (tiền lương NVT trả cho BTN). BTN biết rõ NVT mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi khống nội dung hàng hóa, dịch vụ của Công ty Y nhưng vẫn đồng ý giúp sức cho NVT thực hiện hành vi phạm tội.

Về việc giao dịch mua bán trái phép hóa đơn: Thông qua quan hệ xã hội, một số khách hàng (không rõ tên tuổi, lai lịch, địa chỉ) có nhu cầu mua hóa đơn GTGT không đã liên hệ qua điện thoại với NVT để thỏa thuận, giao dịch mua, bán hóa đơn.

Các đối tượng này cung cấp thông tin cần viết lên hóa đơn như tên Công ty mua, mã số thuế, tên hàng hóa, doanh số.... bằng hình thức nhắn tin vào điện thoại của NVT hoặc chuyển trực tiếp cho NVT tại khu vực AA. NVT trực tiếp viết hóa đơn của Công ty W và Công ty X. Từ tháng 7-2019, NVT thuê BTN trực tiếp viết hóa đơn và tổng hợp số liệu, thống kê theo tháng, quý của Công ty Y. Sau đó, NVT đóng dấu chức danh, dấu tròn, trực tiếp ký giả tên Giám đốc vào hóa đơn GTGT không và các tài liệu khác của các Công ty theo yêu cầu của khách hàng. NVT bán hóa đơn GTGT không với giá 0.13% (1,3 triệu đồng/01 tỷ đồng tiền hàng hóa dịch vụ chưa thuế ghi không trên hóa đơn) thu được số tiền là 1.529.415.043 đồng. Khách hàng trực tiếp thanh toán tiền mua hóa đơn cho NVT bằng tiền mặt. NVT thuê NLQ4 thực hiện công việc kê khai thuế tại 03 Công ty trên. Để hợp thức hóa việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT không có hàng hóa dịch vụ, NVT chuyển cho các khách hàng giấy giới thiệu, giấy rút tiền hoặc séc đã được NVT ký sẵn để các khách hàng tự thực hiện việc chuyển, rút tiền tại Ngân hàng. NVT tự cân đối, tính số liệu hàng hóa, dịch vụ mua vào xấp xỉ bằng tổng số giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra đối với hai Công ty W và Công ty X, chỉ đạo BTN làm tương tự đối với Công ty Y rồi đọc số liệu hàng quý cho NLQ4 để làm kê khai, báo cáo thuế tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào chưa tính thuế kê khai không là 1.172.713.478.135 đồng.

Trong khoảng thời gian từ tháng 4-2017 đến tháng 9-2020, NVT đã điều hành 03 Công ty trên bán ra 1.732 số hóa đơn với tổng doanh thu bán ra là 1.176.473.110.015 đồng. Trong đó: Công ty Y đã xuất bán 514 hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa, dịch vụ là 326.031.440.989 đồng; Công ty W xuất bán 520 hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa dịch vụ là 437.023.312.582 đồng và Công ty X xuất bán ra 698 hóa đơn GTGT với số tiền hàng hóa dịch vụ là 413.418.356.444 đồng. NVT thu được: 1.529.415.043 đồng từ việc mua bán trái phép hóa đơn. Số tiền trên, NVT đã sử dụng vào việc: Chi nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 1.218.586.626 đồng, thuê BTN viết hóa đơn là 15.000.000 đồng, trả tiền lương cho NLQ4 hết số tiền là 42.000.000 đồng, đặt in hóa đơn của 03 Công ty hết số tiền là 13.420.000 đồng, chi phí mua văn phòng phẩm hết 20.000.000 đồng, thành lập và mua lại 03 công ty hết số tiền là 65.000.000 đồng. Tổng chi hết số tiền 1.374.006.626 đồng, nên NVT được hưởng lợi số tiền 155.408.417 đồng. NVT đã sử dụng số tiền trên để chi tiêu cá nhân.

Ngày 18-4-2021, NVT đã đến Công an quận Hồng Bàng tự thú về hành vi của mình như nêu trên và tự nguyện giao nộp 01 bộ con dấu của Công ty Y, 02 quyển hóa đơn GTGT đã qua sử dụng, 07 quyển hóa đơn GTGT chưa sử dụng và nhiều chứng từ ngân hàng có liên quan. Ngày 19-4-2021, BTN đã đầu thú về hành vi của mình như nêu trên.

Tại Bản Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng số: 61/KLGD-PC09 ngày 05-5-2021, kết luận: Chữ ký, chữ viết tại mục

“Người bán hàng” ghi tên Nguyễn Thị Hoa, chữ viết nội dung trên hóa đơn GTGT (liên 2) của Công ty Y và chữ ký, chữ viết của bị cáo BTN cung cấp cho Cơ quan điều tra do cùng một người ký, viết ra; Hình dấu tròn có nội dung “CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI Y” và dấu chức danh có nội dung “GIÁM ĐỐC NLQ3” trên hóa đơn cần giám định so với hình dấu tròn, dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh do cùng một con dấu đóng ra; Chữ ký tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên hoá đơn GTGT (liên 2) của Công ty Y và chữ ký của bị cáo NVT cung cấp cho Cơ quan điều tra không đủ cơ sở kết luận.

Tại Bản Kết luận giám định của Viện khoa học Kỹ thuật hình sự Bộ Công an số: 3786/C09-P5 ngày 16-7-2021, kết luận: Chữ ký tại mục “Thủ trưởng đơn vị” trên hoá đơn GTGT (liên 2) của Công ty Y và chữ ký của bị cáo NVT cung cấp cho Cơ quan điều tra do cùng một người ký ra.

Trong giai đoạn điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, bị cáo NVT đã tự nguyện nộp tổng số tiền 275.000.000 đồng, bị cáo BTN đã tự nguyện nộp tổng số tiền 115.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội đã gây ra.

Tại bản Cáo trạng số:06/CT-VKS-HB ngày 19-01-2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố bị cáo NVT về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo BTN về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đã truy tố.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo NVT số tiền từ 300.000.000 đồng đến 350.000.000 đồng.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Phạt tiền bị cáo BTN số tiền từ 200.000.000 đồng đến 230.000.000 đồng.

Về số tiền thu lợi bất chính, xử lý vật chứng và án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Đối với người phụ nữ tên Z, làm dịch vụ thành lập và bán lại các Công ty cho NVT, Cơ quan điều tra chưa HC định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Đối với NLQ4, làm kê khai thuế cho các Công ty của NVT, nhưng chưa làm quyết toán thuế nên NLQ4 không biết các Công ty này hoạt động không có hàng hóa, dịch vụ, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý.

Đối với NLQ3, NLQ2 do không biết việc đứng tên Giám đốc, không biết về hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT thu lợi bất chính của các bị cáo, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với NLQ1 đứng tên giám đốc Công ty W hiện vắng mặt tại địa phương, chưa tiến hành lấy được lời khai nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

Đối với các Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn 03 Công ty của NVT xuất bán, qua tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để Hc định có hành vi vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; các bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với những lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 4-2017 đến tháng 9-2020, bị cáo NVT đã thuê dịch vụ thành lập và mua lại giấy tờ, bộ con dấu, cùng các chứng từ liên quan của 03 Công ty để hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT. NVT mua lại giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bộ con dấu, hóa đơn GTGT của Công ty W và Công ty X. NVT tự đứng tên thành lập Công ty Y sau đó làm

thủ tục thay đổi sang tên Giám đốc thành NLQ3 và đã trực tiếp thực hiện hành vi mua bán trái phép hóa đơn khi có nhu cầu. NVT đã điều hành 03 Công ty bán ra 1.732 số hóa đơn GTGT với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra không ghi trên hóa đơn là 1.176.473.110.015 đồng. NVT thu lời bất chính được số tiền 155.408.417 đồng từ việc mua bán trái phép hóa đơn. NVT thuê BTN trực tiếp viết hóa đơn và tổng hợp số liệu, thống kê theo tháng, quý của Công ty Y. BTN biết rõ NVT mua bán trái phép hóa đơn GTGT ghi không nội dung hàng hóa, dịch vụ của Công ty Y nhưng vẫn đồng ý giúp sức cho NVT thực hiện hành vi phạm tội. BTN đã giúp sức cho NVT trong việc thực hiện hành vi mua bán trái phép 514 số hóa đơn GTGT ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ chưa thuế trên hóa đơn là 326.031.440.989 đồng tại Công ty Y và thu lời bất chính 15.000.000 đồng (là tiền lương NVT trả cho BTN). Như vậy, hành vi của các bị cáo NVT, BTN, đã phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[4] Từ tháng 4-2017 đến tháng 9-2020, bị cáo NVT có hành vi bán ra 1.732 số hóa đơn GTGT, ghi không hàng hóa, dịch vụ bán ra để thu lời bất chính số tiền 155.408.417 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo NVT phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ tháng 4-2017 đến tháng 9-2020, bị cáo BTN đã có hành vi giúp sức cho bị cáo NVT trong việc mua bán trái phép 514 số hóa đơn GTGT, ghi không số tiền hàng hóa, dịch vụ tại Công ty Y, thu lời bất chính số tiền 15.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo BTN phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự.

[6] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước trong trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, gây mất trật tự trị an. Vì vậy, phải xem xét, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, để giáo dục các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo NVT đã ra tự thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo BTN đã ra đầu thú; các bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả; bị cáo NVT có bố vợ là thương binh, bị cáo BTN có bố đẻ là thương binh nên có thể coi đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo NVT và BTN không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo NVT khai nhận là người trực tiếp mua lại Công ty W, Công ty X; Công ty Y, là người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của 03 Công ty trong việc mua bán trái phép hóa đơn GTGT. Bị cáo NVT có hành vi bán ra 1.732 số hóa đơn GTGT, đã ghi khống hàng hóa, dịch vụ để thu lợi bất chính số tiền 155.408.417 đồng nên bị cáo NVT có vai trò chính. Bị cáo BTN đã giúp sức cho bị cáo NVT trong việc thực hiện hành vi mua bán trái phép 514 số hóa đơn GTGT, ghi khống số tiền hàng hóa, dịch vụ tại Công ty Y và thu lợi bất chính số tiền 15.000.000 đồng nên bị cáo BTN có vai trò thứ yếu.

[10] Về hình phạt: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã phân tích tại Mục [7], đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính của mình, hành vi phạm tội của các bị cáo có mức độ, các bị cáo đều tự nguyện nộp tiền đảm bảo thi hành án. Xét thấy, các bị cáo phạm tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, đều có ý thức sửa chữa sai lầm, không nhất thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, có thể áp dụng phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự là đủ tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Do vai trò, tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo NVT cao hơn so với bị cáo BTN nên hình phạt tiền đối với bị cáo NVT sẽ cao hơn so với bị cáo BTN như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

- Xử lý tiền thu lợi bất chính và vật chứng trong vụ án:

[11] Trong giai đoạn điều tra, truy tố và chuẩn bị xét xử, các bị cáo đã nộp đủ số tiền thu lợi bất chính, cụ thể: Bị cáo NVT đã nộp số tiền là 155.408.417 đồng, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 155.408.417 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005123 ngày 27-01-2022 và Biên lai thu tiền số 0005142 ngày 04-4-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng. Bị cáo BTN đã nộp số tiền là 15.000.000 đồng, nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 15.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0005123 ngày 27-01-2022 và Biên lai thu tiền số 0005143 ngày 04-4-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng. Số tiền còn lại theo Biên lai thu tiền 0005142 ngày 04-4-2022 và Biên lai thu tiền số 0005143 ngày 04-4-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[12] Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy đối với các công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, bao gồm: Một quyển séc của Công ty Y, MST: 0201826572; hai quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu AA19P quyển số 01 và 02 đã qua sử dụng của Công ty Y; bảy quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu AA19P quyển số 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 chưa qua sử dụng của Công ty Y; một dấu tròn Công

ty, dấu chức danh giám đốc NLQ3 của Công ty Y; ba giấy giới thiệu của Công ty Y(bản phô tô); ba giấy đề nghị cung ứng séc của Công ty Y(bản phô tô); bốn giấy nộp tiền mặt của Công ty W, MST: 0201784040; ba giấy nộp tiền mặt của Công ty X, MST: 0201783914; một cuốn sổ tay kích thước 170x240 sản xuất tại Công ty Cổ phần giấy AB.

[13] Đối với người phụ nữ tên Z, làm dịch vụ thành lập và bán lại các Công ty cho NVT, Cơ quan điều tra chưa Hc định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[14] Đối với NLQ4, làm kê khai thuế cho các Công ty của NVT, nhưng chưa làm quyết toán thuế nên NLQ4 không biết các Công ty này hoạt động không có hàng hóa, dịch vụ, Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý.

[15] Đối với NLQ3, NLQ2 do không biết việc đứng tên Giám đốc, không biết về hoạt động mua bán trái phép hóa đơn GTGT thu lợi bất chính của các bị cáo, nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[16] Đối với NLQ1 đứng tên giám đốc Công ty W hiện vắng mặt tại địa phương, chưa tiến hành lấy được lời khai nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[17] Đối với các Doanh nghiệp sử dụng hóa đơn 03 Công ty của NVT xuất bán, qua tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ để Hc định có hành vi vi phạm pháp luật nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[18] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; Điều 17; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo NVT số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 203; Điều 17; điểm b khoản 1 Điều 32; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt: Bị cáo BTN số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với các bị cáo NVT và BTN.



- Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo NVT đã nộp là 155.408.417 (một trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm linh tám nghìn, bốn trăm mười bảy) đồng theo Biên lai thu tiền số 0005123 ngày 27- 01-2022 và Biên lai thu tiền số 0005142 ngày 04-4-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng. Tạm giữ số tiền 119.591.583 (một trăm mười chín triệu, năm trăm chín mươi một nghìn, năm trăm tám mươi ba) đồng để bảo đảm thi hành án theo Biên lai thu tiền số 0005142 ngày 04-4-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo BTN đã nộp là 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0005123 ngày 27- 01-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng. Tạm giữ số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng để bảo đảm thi hành án theo Biên lai thu tiền số 0005143 ngày 04-4-2022 Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hồng Bàng.

Tịch thu tiêu hủy: Một quyển séc của Công ty Y, MST: 0201826572; hai quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu AA19P quyển số 01 và 02 đã qua sử dụng của Công ty Y; bảy quyển hóa đơn GTGT, mẫu số: 01GTKT3/001, ký hiệu AA19P quyển số 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 chưa qua sử dụng của Công ty Y; một dấu tròn Công ty, dấu chức danh giám đốc NLQ3 của Công ty Y; ba giấy giới thiệu của Công ty Y (bản phô tô); ba giấy đề nghị cung ứng séc của Công ty Y (bản phô tô); bốn giấy nộp tiền mặt của Công ty W, MST: 0201784040; ba giấy nộp tiền mặt của Công ty X, MST: 0201783914; một cuốn sổ tay kích thước 170x240 sản xuất tại Công ty Cổ phần giấy AB (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 27- 01-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 27 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của các bị cáo;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Huyền**